

ỦY BAN THƯỜNG VỤ
QUỐC HỘI
Số: Không số

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 1994

PHÁP LỆNH

Thủ tục giải quyết các vụ án kinh tế

Để giải quyết đúng pháp luật, kịp thời các vụ án kinh tế nhằm bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, pháp nhân;

Căn cứ vào Điều 91 của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992;

Pháp lệnh này quy định thủ tục giải quyết các vụ án kinh tế.

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quyền yêu cầu Toà án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp

Cá nhân, pháp nhân, theo thủ tục do pháp luật quy định, có quyền khởi kiện vụ án kinh tế để yêu cầu Toà án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Điều 2. Quyền tự định đoạt của đương sự

Người khởi kiện có quyền rút đơn kiện, thay đổi nội dung đơn kiện. Các đương sự có quyền hoà giải với nhau.

Điều 3. Nghĩa vụ chứng minh

Đương sự có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ và chứng minh để bảo vệ quyền lợi của mình.

Điều 4. Xác minh, thu thập chứng cứ

Khi cần thiết, Toà án có thể xác minh, thu thập chứng cứ để bảo đảm cho việc giải quyết vụ án được chính xác.

Điều 5. Trách nhiệm hoà giải của Toà án

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án có trách nhiệm tiến hành hoà giải để các đương sự thoả thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Điều 6. Bình đẳng về quyền và nghĩa vụ giữa các đương sự

Các đương sự bình đẳng về quyền và nghĩa vụ trong quá trình giải quyết vụ án.

Điều 7. Xét xử công khai

Các vụ án kinh tế được xét xử công khai, trừ trường hợp cần giữ gìn bí mật Nhà nước hoặc giữ bí mật của đương sự theo yêu cầu chính đáng của họ.

Điều 8. Tiếng nói, chữ viết dùng trong quá trình giải quyết vụ án

Tiếng nói, chữ viết dùng trong quá trình giải quyết vụ án là tiếng Việt.

Người tham gia tố tụng có quyền dùng tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình.

Điều 9. Đại diện do uỷ quyền

Đương sự có thể uỷ quyền cho luật sư hoặc người khác đại diện cho mình tham gia tố tụng.

Điều 10. Hiệu lực của các bản án, quyết định của Toà án

Bản án, quyết định về vụ án kinh tế của Toà án đã có hiệu lực pháp luật phải được các cơ quan Nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và mọi người tôn trọng; cá nhân, cơ quan, tổ chức có nghĩa vụ chấp hành bản án, quyết định của Toà án phải nghiêm chỉnh chấp hành.

Điều 11. Kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án

Viện kiểm sát nhân dân kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án kinh tế theo quy định của Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân và của Pháp lệnh này.

CHƯƠNG II

THẨM QUYỀN CỦA TOÀ ÁN

Điều 12. Những vụ án kinh tế thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án

Toà án có thẩm quyền giải quyết các vụ án kinh tế sau đây:

- 1- Các tranh chấp về hợp đồng kinh tế giữa pháp nhân với pháp nhân, giữa pháp nhân với cá nhân có đăng ký kinh doanh;
- 2- Các tranh chấp giữa công ty với các thành viên của công ty, giữa các thành viên của công ty với nhau liên quan đến việc thành lập, hoạt động, giải thể công ty;
- 3- Các tranh chấp liên quan đến việc mua bán cổ phiếu, trái phiếu;
- 4- Các tranh chấp kinh tế khác theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Thẩm quyền của Toà án các cấp

1- Toà án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là Toà án cấp huyện) giải quyết theo thủ tục sơ thẩm những tranh chấp hợp đồng kinh tế mà giá trị tranh chấp dưới 50 triệu đồng, trừ trường hợp có nhân tố nước ngoài.

2- Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gọi chung là Toà án cấp tỉnh) giải quyết theo thủ tục sơ thẩm những vụ án kinh tế được quy định tại Điều 12 của Pháp lệnh này, trừ những vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án cấp huyện. Trong trường hợp cần thiết Toà án cấp tỉnh có thể lấy lên để giải quyết vụ án kinh tế thuộc thẩm quyền của Toà án cấp huyện.

Điều 14. Thẩm quyền của Toà án theo lãnh thổ

Toà án có thẩm quyền xét xử sơ thẩm các vụ án kinh tế là Toà án nơi bị đơn có trụ sở hoặc cư trú; trong trường hợp vụ án chỉ liên quan đến bất động sản, thì Toà án nơi có bất động sản giải quyết.

Điều 15. Thẩm quyền của Toà án theo sự lựa chọn của nguyên đơn

Nguyên đơn có quyền lựa chọn Toà án để yêu cầu giải quyết vụ án trong các trường hợp sau đây:

- 1- Nếu không biết rõ trụ sở hoặc nơi cư trú của bị đơn, thì nguyên đơn có thể yêu cầu Toà án nơi có tài sản, nơi có trụ sở hoặc nơi cư trú cuối cùng của bị đơn giải quyết vụ án;
- 2- Nếu vụ án phát sinh từ hoạt động của chi nhánh doanh nghiệp, thì nguyên đơn có thể yêu cầu Toà án nơi doanh nghiệp có trụ sở hoặc nơi có chi nhánh đó giải quyết vụ án;
- 3- Nếu vụ án phát sinh do vi phạm hợp đồng kinh tế, thì nguyên đơn có thể yêu cầu Toà án nơi thực hiện hợp đồng giải quyết vụ án;
- 4- Nếu các bị đơn có trụ sở hoặc nơi cư trú khác nhau, thì nguyên đơn có thể yêu cầu Toà án nơi có trụ sở hoặc nơi cư trú của một trong các bị đơn giải quyết vụ án;
- 5- Nếu vụ án không chỉ liên quan đến bất động sản, thì nguyên đơn có thể yêu cầu Toà án nơi có bất động sản, nơi có trụ sở hoặc cư trú của bị đơn giải quyết vụ án;
- 6- Nếu vụ án liên quan đến bất động sản ở nhiều nơi khác nhau, thì nguyên đơn có thể yêu cầu Toà án ở một trong các nơi đó giải quyết vụ án.

Điều 16. Chuyển vụ án cho Toà án khác; giải quyết tranh chấp về thẩm quyền

1- Toà án đã thụ lý vụ án phải chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án có thẩm quyền ngay sau khi phát hiện việc giải quyết vụ án không thuộc thẩm quyền của mình.

2- Tranh chấp về thẩm quyền do Toà án cấp trên trực tiếp giải quyết.

CHƯƠNG III

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ. THAY ĐỔI THẨM PHÁN, HỘI THẨM, KIỂM SÁT VIÊN, THƯ KÝ TOÀ ÁN, NGƯỜI GIÁM ĐỊNH, NGƯỜI PHIÊN DỊCH

Điều 17. Hội đồng xét xử

- 1- Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm hai Thẩm phán và một Hội thẩm.
- 2- Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm ba Thẩm phán.
- 3- Hội đồng xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm của Toà kinh tế Toà án nhân dân tối cao gồm ba Thẩm phán.
- 4- Ủy ban Thẩm phán và Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao, Ủy ban Thẩm phán Toà án cấp tỉnh khi xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm phải có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên tham gia.
- 5- Hội đồng xét xử nói tại các điểm 1, 2 và 3 Điều này quyết định theo đa số. Quyết định của Ủy ban Thẩm phán và Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao, Ủy ban Thẩm phán Toà án cấp tỉnh phải được quá nửa tổng số thành viên biểu quyết tán thành.

Điều 18. Thay đổi Thẩm phán, Hội thẩm, Kiểm sát viên, Thư ký Toà án, người giám định, người phiên dịch

- 1- Thẩm phán, Hội thẩm phải từ chối tiến hành tố tụng hoặc bị thay đổi, nếu:
 - a) Đồng thời là đương sự, người đại diện hoặc người bảo vệ quyền lợi của đương sự, người thân thích của đương sự, người làm chứng trong vụ án;
 - b) Đã tham gia cùng một vụ án với tư cách là Kiểm sát viên, Thư ký Toà án, người giám định, người phiên dịch;
 - c) Đã tham gia giải quyết cùng một vụ án với tư cách là Thẩm phán, Hội thẩm, trừ các thành viên của Ủy ban Thẩm phán và Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao, Ủy ban Thẩm phán Toà án cấp tỉnh, thì được tham gia xét xử nhiều lần cùng một vụ án theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm;
 - d) Trong một Hội đồng xét xử mà Thẩm phán, Hội thẩm là người thân thích với nhau;
 - đ) Có căn cứ cho thấy họ có thể không vô tư khi làm nhiệm vụ.

2- Kiểm sát viên, Thư ký Toà án, người giám định, người phiên dịch phải từ chối tham gia tố tụng hoặc bị thay đổi, nếu:

a) Đã tham gia tố tụng cùng một vụ án ở cấp xét xử khác;

b) Có căn cứ quy định tại các điểm a, đ khoản 1 Điều này.

Điều 19. Trình tự và thẩm quyền thay đổi Thẩm phán, Hội thẩm, Kiểm sát viên, Thư ký Toà án, người giám định, người phiên dịch

1- Trước khi mở phiên toà, việc thay đổi Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký Toà án, người giám định, người phiên dịch do Chánh án Toà án quyết định; việc thay đổi Kiểm sát viên do Viện trưởng Viện kiểm sát quyết định và nếu Kiểm sát viên bị thay đổi là Viện trưởng Viện kiểm sát thì Viện trưởng Viện kiểm sát cấp trên quyết định.

2- Tại phiên toà, việc thay đổi Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký phiên toà, người giám định, người phiên dịch do Hội đồng xét xử quyết định, sau khi nghe ý kiến của người bị yêu cầu thay đổi. Trong trường hợp không có người thay thế ngay, thì Hội đồng xét xử ra quyết định hoãn phiên toà;

Trong trường hợp Hội đồng xét xử thấy cần phải thay đổi Kiểm sát viên, thì ra quyết định hoãn phiên toà. Việc cử Kiểm sát viên khác do Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp hoặc cấp trên quyết định.

CHƯƠNG IV

NGƯỜI THAM GIA TỐ TỤNG

Điều 20. Các đương sự

1- Cá nhân, pháp nhân tham gia tố tụng là nguyên đơn, bị đơn hoặc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

2- Đương sự là cá nhân thì tự mình hoặc có thể uỷ quyền cho người khác thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án.

3- Đương sự là pháp nhân thì thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng thông qua người đại diện theo pháp luật hoặc theo uỷ quyền.

Điều 21. Quyền, nghĩa vụ tố tụng của các đương sự

1- Nguyên đơn có quyền thay đổi yêu cầu của mình. Bị đơn có quyền phản bác yêu cầu của nguyên đơn hoặc đề đạt yêu cầu có liên quan đến yêu cầu của nguyên đơn. Người có quyền